TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/DS-PT
Ngày: 13/02/2025
V/v: " Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các Thẩm phán: Ông **Phùng Anh Dũng**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông **Trần Viết Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy GCNQSD đất"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 354/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt..

Người đại diện ủy quyền: Ông Nông Văn N, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn T1, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số G đường N, tổ dân phố A, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số nhà F, tổ C, khối E, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số nhà A, tổ A, tổ dân phố G, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3. Ông Huỳnh Tấn Q, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số nhà F, buôn U, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

4. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn F, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

5 Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

6. Ông Huỳnh Tấn T3, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ B, Tổ dân phố G, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

7. Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn T4 - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị trấn K; vắng mặt.

8. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh T5 - Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K; vắng mặt.

9. Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H). Địa chỉ: Số B B đường N, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình Q1 - Chuyên viên quan hệ khách hàng của Phòng G1, thuộc Chi nhánh Đ; có mặt.

Người kháng cáo bị đơn ông Huỳnh Tấn T1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/8/2023, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 07/11/2023 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Huỳnh Tấn T trình bày: Vợ chồng ông Huỳnh Q2, sinh năm 1930 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1933, có 08 người con chung là Huỳnh Tấn T1, sinh 1956; ông là Huỳnh Tấn T, sinh năm 1968; Huỳnh Thị C, sinh năm 1969; Huỳnh Thị N1, sinh năm 1970; Huỳnh Thị Q3, sinh năm 1974; Huỳnh Thị M, sinh năm 1978; Huỳnh Thị T2, sinh năm 1980 và Huỳnh Tấn T3, sinh năm 1982.

Ông Q2 chết ngày 29/5/2023, bà G chết ngày 22/7/2006, không để lại di chúc và để lại di sản là quyền sử dụng đất đối với các thửa đất: số 643, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.788 m^2, tại tổ dân phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Q2 vào ngày 11/01/1993. Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.715 m^2, tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho hộ ông Huỳnh Q2 vào ngày 30/12/2008. Thửa đất số 139, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.555 m^2, tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Q2 vào ngày 30/12/2008.

Sau khi bà Nguyễn Thị G chết, ngày 09/8/2016, ông Huỳnh Q2 đã lập hợp đồng tặng cho ông Huỳnh Tấn T1 quyền sử dụng đất và tài sản gắn với đất, đối với thửa đất số 643 và thửa đất số 24; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 312421 cho ông Huỳnh Tấn T1, đối với thửa đất số 643 vào ngày 03/10/2016; Cấp giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 348682 cho ông Huỳnh Tấn T1, đối với thửa đất số 24 vào ngày 03/11/2016.

Việc ông Huỳnh Quyền T6 cho ông T1 quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 643 và thửa đất số 24 là trái với quy định của pháp luật. Vì đây, là tài sản chung của vợ chồng ông Q2 và bà G. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa ông Huỳnh Q2 và ông Huỳnh Tấn T1 đối với thửa đất số 643 và thửa đất số 24 là vô hiệu; Hủy giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 312421, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông Huỳnh Tấn T1, đối với thửa đất số 643 vào ngày 03/10/2016; Hủy giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 348682, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp cho ông Huỳnh Tấn T1, đối với thửa đất số 24 vào ngày 03/11/2016. Chia di sản của ông Q2 và bà G chết để lại, là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 643, thửa đất số 24 và thửa đất số 139, cho những người thừa kế theo pháp luật; Ông yêu cầu Tòa án chia cho ông cùng với bà N1, bà C, ông Q3, bà M, bà T2 và ông T3 ½ diện tích đất đối với thửa đất số 643; Phần diện tích còn lại của thửa đất số 634 và thửa đất số số 24, thửa đất số 139, đề nghị Tòa án chia cho ông T1 và buộc ông T1 thanh toán cho ông, bà N1, bà C, ông Q3, bà M, bà T2 và ông T3, giá trị chênh lệch về tài sản được chia. Đối với tài sản gắn liền trên đất, đối với 03 thửa đất nêu trên là của ông T1.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Huỳnh Tấn T1 trình bày: Ông là con của ông Huỳnh Q2 và bà Nguyễn Thị G: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 643 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, là tài sản riêng của ông Huỳnh Q2; Năm 2016, ông Q2 tặng cho ông 02 thửa đất nêu trên là hợp pháp; Đối với thửa đất số 139, tờ bản đồ số 27, là tài sản riêng của ông, do ông khai hoang, không phải là tài sản của ông Q2, bà G; Hiện tại, ông đang quản lý, sử dụng 03 thửa đất nêu trên, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn T.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị N1, ông Huỳnh Tấn Q, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T2 và bà Huỳnh Thị T7 trình bày: Các ông, các bà, là con đẻ của ông Huỳnh Q2 và bà Nguyễn Thị G; Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số

643, số 24 và số 139, tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản chung của ông Q2 và bà G chết để lại; Các ông, các bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn T và đề nghị Tòa án chia di sản như yêu cầu của ông T.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trình bày: Ngày 09/8/2016, UBND thị trấn K tiếp nhận 02 bộ hồ sơ, yêu cầu chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 643 và số 24, tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, UBND thị trấn K xét thấy: Thửa đất số 643, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Q2 vào ngày 11/01/1993; Thửa đất số 24, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Huỳnh Q2 vào ngày 30/12/2008. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất này, thì hộ ông Q2 chỉ có 01 người là ông Q2. Vì vậy, UBND thị trấn K đã chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, đối với 02 thửa đất nêu trên, là đúng với quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ trình bày: Ngày 22/8/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tiếp nhận 02 hồ tặng cho quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 643 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, giữa người tặng cho là ông Huỳnh Q2 và người nhận tặng cho là ông Huỳnh Tấn T1; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, đã được UBND thị trấn K chứng thực, nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, đăng ký quyền sử dụng đất cho ông T1 và chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, đối với 02 thửa đất nêu trên; Ngày 03/10/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 312421 cho ông T1 đối với thửa đất số 643; Ngày 03/11/2016, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 348682 cho ông T1 đối với thửa đất số 24, là đúng với quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển thành phố H (H) trình bày: Ngày 26/12/2016, ông Huỳnh Tấn T1 thế chấp cho H tại Phòng G1, quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 643 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, để đảm bảo việc ông T1 trả cho Ngân hàng khoản tiền đã vay và tiền lãi; Về trình tự, thủ tục ông T1 đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, là đúng với quy định của pháp luật; Việc ông Huỳnh Tấn T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 643 và thửa đất số 24, là không có căn cứ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, được ký kết ngày 09/8/2016, giữa ông Huỳnh Q2 và ông Huỳnh Tấn T1, đối với thửa đất số 643 và thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là vô hiệu;

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 312421, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, cấp cho ông Huỳnh Tấn T1, đối với thửa đất số 643, tờ bản đồ số 01 vào ngày 03/10/2016; Hủy giấy chứng nhận quyền sử đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 348682, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, cấp cho ông Huỳnh Tấn T1, đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, vào ngày 03/11/2016.

3. Di sản ông Huỳnh Q2 và bà Nguyễn Thị G để lại, là trị giá quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 643, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01 và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 27, tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trị giá 3.567.000.000đ; Trong đó, di sản bà Nguyễn Thị G trị giá 1.783.500.000đ, di sản ông Huỳnh Q2 trị giá 2.140.200.000đ.

4.Chia cho ông Huỳnh Tấn T1, được thừa kế phần di sản của bà Nguyễn Thị G theo pháp luật là 178.350.000đ và thừa kế phần di sản của ông Huỳnh Q2 theo pháp luật là 237.800.000đ, được hưởng thù lao quản lý di sản là 237.800.000đ; Tổng cộng 653.950.000đ.

5. Chia cho ông Huỳnh Tấn T, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị N1, ông Huỳnh Tấn Q, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T2, ông Huỳnh Tấn T3, mỗi người được thừa kế phần di sản của bà Nguyễn Thị G theo pháp luật là 178.350.000đ và thừa kế phần di sản của ông Huỳnh Q2 theo pháp luật là 237.800.000đ; Tổng cộng, mỗi người được thừa kế di sản trị giá 416.150.000đ.

6. Giao cho ông Huỳnh Tấn T1, được quyền sở hữu quyền sử dụng đất, đối với 1.265,6m^2 đất, thuộc thửa đất số 643 (trong đó, có 112,2 m^2 đất được quy hoạch đường giao thông). Thửa đất số 643, tờ bản đồ số 01, diện tích thực địa 2.445,1m^2 (trong đó, có 217,5m^2 đất được quy hoạch đường giao thông) tại tổ dân phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; diện tích đất được giao trị giá 1.520.000.000đ; Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.715m^2 tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trị giá 271.500.00đ và thửa đất số 139, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.555 m^2, tại thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, trị giá 255.500.000đ; Tổng trị giá tài sản được giao là 2.047.000.000đ.

Diện tích đất 1.265,6 m^2, thuộc thửa đất số 643, tờ bản đồ số 01, có tứ cận: hướng Bắc giáp thửa đất số 37, có các cạnh dài 7,55m + 63,22m = 70,77m; hướng Nam giáp phần đất còn lại, của thửa đất số 643, có các cạnh dài 07m + 58,91m = 65,91m; hướng Đông giáp thửa đất số 36, có cạnh dài 23,04m; hướng Tây giáp đường nhựa, có cạnh dài 15,2m.

Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 01, có tứ cận: H, hướng Nam và hướng Bắc, giáp đường lô; hướng Tây giáp suối nước.

Thửa đất số 139, tờ bản đồ số 27, có tứ cận: hướng Đông giáp đất ông Q4; hướng Tây giáp suối nước; hướng Nam và hướng Bắc giáp đường đi.

7. Giao cho ông Huỳnh Tấn T, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị N1, ông Huỳnh Tấn Q, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T2 và ông Huỳnh Tấn T3, được

quyền sở hữu quyền sử dụng đất, đối với 1.179,5 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 643 (trong đó, có 105,3m^2 đất được quy hoạch đường giao thông); diện tích đất được giao trị giá 1.520.000.000đ, tài sản gắn liền với đất (tài sản của ông T1) 44.089.600đ; tổng trị giá tài sản được giao 1.564.089.600đ.

Diện tích đất 1.179,5 m^2 nêu trên có tứ cận: hướng Đông giáp thửa đất số 36, có cạnh dài 21,68m; hướng Tây giáp đường nhựa, có cạnh dài 15,2m; hướng Nam giáp thửa đất số 51 và thửa đất số 42, có các cạnh dài 6,52m + 44,04m + 4,7m + 10,22m = 65,48m; hướng Bắc giáp diện tích đất được giao cho ông T1, có các cạnh dài 07m + 58,91m = 65,91m.

8. Buộc ông Huỳnh Tấn T1 phải thanh toán cho Huỳnh Tấn T, bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị N1, ông Huỳnh Tấn Q, bà Huỳnh Thị M, bà Huỳnh Thị T2 và ông Huỳnh Tấn T3, trị giá tài sản chênh lệch được giao là 1.393.050.000đ; Buộc ông T, bà C, bà N1, ông Q, bà M, bà T2, ông T3, phải thanh toán cho ông T1, trị giá tài sản gắn liền trên diện tích đất được giao 1.179,5m^2 là 44.089.600đ. Sau khi khấu trừ nghĩa vụ cho nhau, ông T1 còn phải thanh toán ông T, bà C, bà N1, ông Q, bà M, bà T2 và ông T3 1.348.960.400đ; Cụ thể, ông T1 phải thanh toán cho mỗi người 192.708.628đ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2024 bị đơn ông Huỳnh Tấn T1 kháng cáo không chấp nhận bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án.

Ngày 08/10/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, kháng cáo ông Huỳnh Tấn T1 hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, kháng cáo ông Huỳnh Tấn T1; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1.1] Theo Biên bản họp gia đình ngày 26/6/2005 do ông Huỳnh Q2 và bà Nguyễn Thị G lập được các con ký có xác nhận UBND Thị trấn K và Di chúc lập ngày 11/11/2009 do ông Huỳnh Q2 có xác nhận UBND Thị trấn Krông Năng thì phải đưa Huỳnh Tấn P tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Án sơ thẩm xác định thửa đất số 139, tờ bản đồ số 27 là tài sản chung của ông Q2 và bà G là chưa có căn cứ vững chắc. Bởi lẽ: Thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo UB thị trấn cung cấp thửa đất này chưa có thông tin chủ sử dụng đất, chưa có người đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, trong khi đó ông T1 khai đất do ông khai hoang, quản lý sử dụng từ

năm 1979 và có cung cấp người làm chứng. Do đó cần phải lấy lời khai các nhân chứng do ông ông T1 cung cấp để làm rõ.

[1.3] Án sơ thẩm xác định hai Hợp tặng cho do ông Huỳnh Q2 và Di chúc lập ngày 11/11/2009 do ông Huỳnh Q2 có xác nhận UBND Thị trấn K vô hiệu toàn bộ là không đúng quy định pháp luật về dân sự.

[1.4] Án sơ thẩm xác định tuyên giao đất và các tài sản cho các đương sự nhưng không tuyên giao các tài sản trên đất gồm những tài sản gì? Trong khi đó trên đất có nhà và cây lâu năm là giải quyết không triệt để vụ án.

[1.5] Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm bỏ sót người tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và một nội dung chưa thu thập làm rõ cũng như áp dụng pháp luật không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm không thực hiện bổ sung được nên Hội đồng xét xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và kháng cáo của ông T1.

[2] Theo Khoản 3, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì Huỳnh Tấn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 3, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, kháng cáo ông Huỳnh Tấn T1.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm,

2. Về án phí: Ông Huỳnh Tấn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Lê Văn Thường